

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 190/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 7 – 2026.

V/v: “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi
dưỡng con chung*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Trương**

2. Ông **Đoàn Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Hương** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1985 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Lâm G**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi cần được bảo vệ: Cháu **Huỳnh Lâm D**, sinh ngày 30/9/2010 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Bùi Thị Đ trình bày và yêu cầu:

Bà **Bùi Thị Đ** và ông **Huỳnh Lâm G** do quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân P, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/9/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Bùi Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Lâm G.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Phương D, nữ, 01/5/2005 và Huỳnh Lâm D, nam, sinh ngày 30/9/2010, hiện đang sống với bà Đ. Bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Lâm G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2026, cháu Huỳnh Lâm D trình bày: Cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Lâm G nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Lâm G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Lâm G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Lâm G để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông G vắng mặt và không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đ, xem như ông G không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa bà Bùi Thị Đ, ông Huỳnh Lâm G đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Đ.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Phương D, nữ, 01/5/2005 và Huỳnh Lâm D, nam, sinh ngày 30/9/2010. Huỳnh Phương D đã

trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét. Bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu D cũng có nguyện vọng được sống với bà Đ. Để ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Duy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục để bà Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Lâm D đến khi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của bà Đ về việc ông Huỳnh Lâm G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Bùi Thị Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15;

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ.
2. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Đ ly hôn ông Huỳnh Lâm G.
3. Về con chung: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Lâm G có 02 con chung tên Huỳnh Phương D, nữ, 01/5/2005 và Huỳnh Lâm D, nam, sinh ngày 30/9/2010. Huỳnh Phương D đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét. Bà Bùi Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Lâm D đến khi trưởng thành, ông Huỳnh Lâm G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung chưa thành niên cho ông Huỳnh Lâm G, không ai được cản trở ông G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Bùi Thị Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0007310 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà Bùi Thị Đ không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã T, thành phố Cần Thơ;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí